

BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI BẰNG ÁN LỆ

ĐẶNG CÔNG CƯỜNG*

Ngày nhận bài: 05/05/2019

Ngày phản biện: 08/08/2019

Ngày đăng bài: 01/10/2019

Tóm tắt:

Quyền con người là giá trị vốn có cao quý nhất của con người. Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền con người, tuy nhiên các giá trị bình đẳng, tự do và bác ái của mỗi người luôn tiềm ẩn bị hạn chế, tước đoạt bởi những người khác. Chính vì vậy, xã hội luôn coi trọng việc bảo vệ quyền con người. Trong xã hội văn minh, pháp luật là một trong những công cụ bảo vệ quyền con người phổ biến nhất và đã chứng tỏ được hiệu quả vượt trội so với các công cụ, phương tiện khác. Pháp luật có nhiều hình thức tồn tại, như: văn bản pháp luật, án lệ, tập quán pháp. Trong các loại pháp luật, án lệ đã chứng tỏ được hiệu quả bảo vệ quyền con người nên được sử dụng phổ biến và ngày càng được coi trọng trong hầu hết các hệ thống pháp luật trên thế giới. Tính hiệu quả trong việc bảo vệ quyền con người của án lệ được thể hiện rõ qua phương thức bảo vệ quyền đặc thù của nó, như: Nguyên tắc stare decisis (to stand by things decided) - một nguyên tắc của án lệ, theo đó, các tòa án phải tuân theo các quyết định của tòa án có thẩm quyền trước đó đã giải quyết nếu vấn đề tranh tụng giống nhau. Đồng thời, án lệ còn chứng tỏ được những ưu thế của mình so với các loại luật khác, như: nó được tạo ra bởi tiến trình xét xử, có tính cá biệt hóa nên hạn chế nguy cơ quyền của cá nhân bị số đông lấn át.

Từ khóa:

Bảo vệ quyền con người, án lệ.

Abstract:

Human rights are the highest inherent value of humanity. All people are born with human rights, however, the equality, freedom and charity values of each person are always hidden, deprived by other people. Therefore, society always attaches great importance to the protection of human rights. In civilized society, law is one of the most popular human rights protection tools and has proven to be superior to other tools and means. Laws have many forms of existence, such as legal documents, legal cases, customary practices. In the types of law, case law has proved that the effectiveness of human rights protection should be widely used and increasingly valued in most legal systems in the world. The effectiveness in the protection of human rights of case law is clearly demonstrated by its specific protection of rights, such as: the principle of stare decisis (to stand by things decided) - the principle of precedent, under which it is necessary for a court to follow earlier judicial decisions when the same points arise again in litigation. Beside, case law proves its advantages compared to other types of law, such as: it is created by the judicial process, which is individualized, thus limiting the risk of individual's rights being overwhelmed by the majority.

Keywords:

Protection of human rights, case law.

* TS., Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: dccuong@hul.edu.vn

1. Các hình thức pháp luật và ưu thế của án lệ trong việc bảo vệ quyền con người

Pháp luật là công cụ quan trọng và hữu hiệu trong việc bảo đảm quyền con người được tôn trọng, thực thi trong đời sống xã hội. Tầm quan trọng của pháp luật đối với quyền con người được biểu hiện thông qua nhiều góc độ khác nhau, đặc biệt ở phương diện bảo vệ quyền của cá nhân. Quyền con người trong trạng thái tự nhiên là những giá trị xã hội trừu tượng, có tính khái quát cao nên cá nhân khó nhận thức và thực hiện được trong thực tiễn. Để cá nhân nhận biết được cách thức, biện pháp thực hiện quyền cũng như ngăn chặn hành vi xâm hại thì cần được chuyển hóa sang trạng thái pháp lý, nghĩa là phải được ghi nhận dưới một hình thức pháp luật nhất định. Cho nên, pháp luật được coi là công cụ của nhà nước và đặc biệt là công cụ của nhân dân thực hiện, bảo vệ quyền con người¹. Hiến pháp, luật là cơ sở để buộc nhà nước phải tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người. Ngoài ra, pháp luật còn bảo vệ quyền con người thông qua việc minh bạch giới hạn của quyền thông qua chuẩn mực pháp lý để cá nhân tự điều chỉnh hành vi của mình trong chừng mực không xâm phạm đến quyền và tự do của người khác. Đồng thời, pháp luật cũng đặt ra các chế tài pháp lý, các biện pháp khắc phục để nhà nước, cá nhân, tổ chức phải thực hiện nếu có hành vi xâm hại quyền con người hoặc để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi xâm hại quyền con người, giữ cho quyền con người được tôn trọng và thực thi trong đời sống xã hội.

Pháp luật là những chuẩn mực hành vi được mã hóa bằng ngôn ngữ và được mọi người trong xã hội nhận thức qua hình thức tồn tại của ngôn ngữ, như lời nói hoặc chữ viết. Nếu pháp luật được thể hiện bằng lời nói được gọi là pháp luật bất thành văn, còn pháp luật được thể hiện bằng chữ viết được gọi là pháp luật thành văn. Nếu cơ sở phân loại là tính chất xã hội của chủ thể làm ra thì pháp luật được gọi với các tên gọi khác nhau: Văn bản luật (đối với pháp luật do cơ quan được nhân dân trao cho chức năng làm luật); Án lệ (còn gọi là Tiền lệ pháp) đối với pháp luật do cơ quan xét xử làm ra, sau đó được công nhận để áp dụng như luật); tập quán pháp luật là pháp luật không do các chủ thể bên trong nhà nước tạo ra mà là các tập quán hình thành trong các cộng đồng xã hội được mọi người, sau đó là nhà nước thừa nhận và thực hiện.

Tất cả các hình thức pháp luật nói trên đều có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền con người, mỗi hình thức có những ưu điểm và hạn chế trong việc bảo vệ quyền con người, trong đó án lệ có những ưu điểm nhất định so với các hình thức pháp luật khác trong việc bảo vệ quyền con người, gồm:

Thứ nhất, án lệ là sản phẩm của hoạt động xét xử của tòa án. Trong khi đó, xét xử là hoạt động có tính chất tài phán được thực hiện theo trình tự, thủ tục pháp lý nghiêm ngặt, người phán quyết phải vô tư, khách quan nhằm bảo đảm công bằng. Với cách thức trên sản phẩm của hoạt động xét xử (án lệ) hạn chế được tối đa nguy cơ gây hại quyền con người, đồng thời đáp ứng được kỳ vọng bảo vệ được quyền con người. Ngoài ra, với mục tiêu cuối

¹ Tường Duy Kiên (2006), *Quốc hội Việt Nam với việc bảo đảm quyền con người*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr.41-43.

cùng là “phụng sự công lý” tự bản thân hoạt động xét xử đã tiệm cận với giá trị cốt lõi của quyền con người, đó là “công bằng”, “bình đẳng” và công lý. So với các hình thức pháp luật khác, án lệ là hình thức pháp luật có cách thức làm ra có mức độ đồng nhất cao nhất với các giá trị xã hội cao cả của quyền con người và tất yếu bảo vệ quyền con người như kỳ vọng của xã hội.

Thứ hai, Luật Văn bản bảo vệ quyền con người toàn diện, nhưng Luật Văn bản mang trong mình nguy cơ triệt tiêu những giá trị, niềm tin và tư tưởng có tính thiếu sót trong xã hội. Bởi lẽ, luật văn bản do cơ quan đại diện cho ý chí của đa số trong xã hội và tất yếu ưu tiên bảo vệ lợi ích của đa số, bảo vệ tư tưởng, niềm tin và giá trị được đa số ủng hộ và cổ vũ. Những giá trị được đa số tin tưởng, đề cao không phải lúc nào cũng tương đồng và phù hợp cho tất cả. Mỗi cá nhân ngoài việc bị ảnh hưởng, chi phối và thực hành theo niềm tin, nhận thức của số đông, họ còn có những hoài bão, niềm tin riêng, đặc biệt là những cá nhân có khả năng nhận thức và tin tưởng vào những giá trị tốt đẹp vượt thời đại hoặc số đông không đồng tình.

Pháp luật, đặc biệt Hiến pháp đã ấn định giới hạn phạm vi hoạt động của quyền lực nhà nước cũng như định khung phạm vi tự do cá nhân mà xã hội mong muốn kiểm soát cá nhân. Hiến pháp quy định các quyền thực ra là xác định ranh giới các lĩnh vực trong cuộc sống mà chỉ có cá nhân có quyền quyết định thế nào mà họ cho là tốt nhất như: đồng ý hay không đồng ý với ý tưởng của đa số, tự do thể hiện những gì mà họ nhận thức và cho rằng điều đó đúng đắn... Điều này tạo ra hoàn cảnh quyền quyết định của cá nhân có thể mâu thuẫn với ý muốn của đa số. Nếu thế thì liệu có thể hy vọng đa số sẽ cố nén cái mà đa số không đồng tình để tôn trọng quyền của cá nhân không? Thực tiễn cho thấy, giao việc bảo vệ quyền cho đa số hoặc chính quyền do đa số bầu lên là một điều ngậy thơ². Điều này đã được nhiều nhà triết học khuyến cáo và thực tiễn lịch sử không thiếu các dẫn chứng. John Lock đã cảnh báo nguy cơ chính thể đại diện rơi vào hoàn cảnh chuyên chế tập thể; Philippa Strum thì cho rằng:

Nếu đa số tin tưởng một cách cuồng nhiệt vào một ý tưởng nào đó thì nó sẽ không đón nhận các phát biểu ý tưởng trái ngược và lại có khuynh hướng ém nhẹm những ý tưởng đó. Nói cho cùng thì sự an sinh của một tập thể cộng đồng bao giờ cũng bị chi phối bởi niềm tin của những người trong cộng đồng. Nếu đa số người trong một nước đều tin tưởng mãnh liệt vào một tôn giáo thì sự hiện hữu của các tôn giáo khác có vẻ như mang tính thách thức lại tôn giáo đó và sẽ không được mọi người yêu thích, chẳng khác gì các tư tưởng không được hâm mộ khác³.

Thứ ba, tính trực quan của luật thành văn không cao, vì luật thành văn luôn có một khoảng cách với thực tiễn đời sống xã hội, việc nó được thực thi trong xã hội phải thông qua khâu tổ chức thực hiện và chịu sự chi phối rất lớn của hoạt động này. Không ít trường hợp quy định của luật bảo vệ quyền con người rất rộng nhưng bị sự chi phối của khâu tổ chức thực

^{2,3} Philippa Strum, *Vai trò của tư pháp độc lập* (trích trong sách *Về pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến* của Khoa luật, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội 2012), tr.316.

hiện nên đã bó hẹp đáng kể giá trị thực tiễn của nó đối với quyền con người⁴. Trong khi đó, án lệ có tính trực quan sinh động cao và biểu hiện trọn vẹn mức độ, ý nghĩa bảo vệ trực tiếp với những cá nhân cụ thể, hoàn cảnh thực tế cụ thể trong đời sống xã hội nên dễ dàng đi vào đời sống xã hội và có tác dụng mạnh mẽ lên nhận thức của xã hội. So với các loại luật khác, án lệ có ưu thế hơn trong việc tác động đến cảm nhận “công lý được thực thi” của xã hội.

Thứ tư, pháp luật văn bản chịu sự ảnh hưởng của kỹ thuật lập pháp, tư tưởng của những học giả nên hành vi của pháp luật thường có tính khái quát cao, ngôn ngữ trừu tượng nên không đồng nhất với hành vi trong thực tế. Đặc tính này tạo ra nhiều trở ngại cho việc nhận thức của xã hội khi thực hiện quyền, bảo vệ quyền. Hành vi pháp lý của án lệ được hình thành trên cơ sở tính chất pháp lý của một hành vi xảy ra trong thực tế nên gắn gũi với thực tế và xã hội dễ dàng nhận biết và thực thi nó trong đời sống xã hội.

2. Các phương thức bảo vệ quyền con người của án lệ

Thứ nhất, án lệ phủ nhận một án lệ trong quá khứ mà nội dung của nó lạc hậu so với trình độ nhận thức của xã hội về quyền đó. Bằng cách tiếp thu nhận thức của thời đại về nội dung, ý nghĩa của quyền con người, tòa án sẽ diễn giải lại nội hàm của quyền con người và bãi bỏ án lệ trong quá khứ để bảo vệ quyền con người đó. Ví dụ, vụ kiện *Brown v. Board of Education of Topeka* (giữa Oliver L. Brown và Sở Giáo dục Topeka, bang Kansas): Năm 1951, nhiều bậc phụ huynh người Mỹ gốc Phi đã ghi danh cho con vào các trường gần nhà, nhưng các em đã bị từ chối và buộc phải đến học tại các trường xa hơn. Phía Sở Giáo dục Topeka đưa ra lý do: các trường ở gần là “trường dành riêng cho học sinh da trắng”, còn các em học sinh gốc Phi này sẽ phải học ở “trường dành riêng cho học sinh da đen”. Các phụ huynh, đại diện là Oliver L. Brown đã kiện Sở Giáo dục Topeka vì cho rằng con họ đã bị phân biệt đối xử. Tòa án Kansas đã bênh vực quyết định của Sở Giáo dục Topeka trên cơ sở viện dẫn phán quyết *Plessy v. Ferguson*. Tuy nhiên, Brown vẫn tiếp tục kháng cáo lên Tối cao Pháp viện, tại đây, toàn bộ 09 thẩm phán đã nhất trí rằng việc sử dụng hệ thống trường học riêng biệt cho người da trắng và người da màu là vi hiến, từ đó cũng bác bỏ phán quyết *Plessy v. Ferguson*. *Việc các thẩm phán bác bỏ phán quyết Plessy v. Ferguson được dựa trên lập luận việc một trường học được lập ra và nhận học sinh trên tiêu chí màu da là hành vi phân biệt đối xử nên mâu thuẫn với nguyên tắc bình đẳng của quyền con người, mâu thuẫn với Hiến pháp nên phải bị bãi bỏ*. Cách này được thực hiện chủ yếu ở những hệ thống pháp luật trao cho Tòa án quyền giải thích luật, hiến pháp, ví dụ: Hoa Kỳ, Anh⁵.

Thứ hai, án lệ làm rõ nội hàm của quyền con người để cá nhân, xã hội nhận thức đúng đắn, đầy đủ quyền của họ và nghĩa vụ của các chủ thể khác⁶.

⁴ Equality and human rights commission, *The case for human rights Acts*, p.20-21, <https://www.legislationline.org/documents/id/19458>

⁵ Tinsley Yarbrough, *Bảo vệ quyền của thành phần thiểu số* (trích trong sách *Về pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến* của Khoa Luật, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB Lao động xã hội, Hà Nội, 2012), tr.398-400.

⁶ Brice Dickson, *Protecting Human Rights Through a Constitutional Court: The Case of South Africa*, *Fordham Law Review*, Volume 66 | Issue 2, Article 8, 1997.

Giải thích luật nói chung, luật về quyền con người nói riêng là một công đoạn của áp dụng nó. Giải thích luật đặt ra yêu cầu phải có sự tương thích với hành vi pháp lý cụ thể. Chỉ những người nghiên cứu, xác minh và nắm rõ nội dung của hành vi, tình tiết khách quan của hành vi thực tế mới có cơ sở để giải thích nội dung của quy phạm tương ứng đối với hành vi đó phù hợp như thế nào. Điều này đặt ra yêu cầu chỉ những người trực tiếp áp dụng pháp luật có khả năng giải thích luật hợp lý và đạt hiệu quả điều chỉnh thực tế của pháp luật. Tòa án có chức năng cơ bản là xét xử, trong khi đó xét xử là hoạt động áp dụng pháp luật toàn diện và thường xuyên nhất cho nên Tòa án phải giải thích luật trong quá trình xét xử.

Ngoài ra, xét xử là một loại hoạt động áp dụng pháp luật phức tạp gồm nhiều hành vi pháp lý cụ thể, trong đó hành vi làm sáng tỏ nội dung, ý nghĩa của quy phạm pháp luật cần áp dụng đóng vai trò quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và chất lượng của hoạt động xét xử. Trên cơ sở đối chiếu với nội dung của khái niệm giải thích pháp luật thì xét xử đã bao hàm cả hoạt động giải thích quy phạm pháp luật. Vì muốn lựa chọn một quy phạm nào đó để áp dụng, Hội đồng xét xử phải làm sáng tỏ nội dung, ý nghĩa của quy phạm pháp luật được chọn. Chính vì vậy, nhằm bảo đảm cho hoạt động xét xử chính xác, đúng đắn quy định của pháp luật thì cần phải trao cho Tòa án quyền giải thích luật. Tòa án có quyền giải thích luật không chỉ bảo đảm hoạt động xét xử áp dụng pháp luật thống nhất mà còn là giải pháp nhằm hạn chế tình trạng cơ quan, công chức và xã hội phải ngóng chờ việc làm mà vốn các cơ quan tổ chức thực thi pháp luật đang muốn trì hoãn. Giải thích luật là hoạt động bảo vệ quyền con người của tòa án. Việc giải thích luật của tòa án trong các phán quyết sẽ tạo ra các án lệ và cung cấp cho mọi người nhận thức đầy đủ về nội hàm của quyền và trong nhiều trường hợp thay đổi nhận thức về nội hàm quyền con người trong xã hội. Ví dụ, trong Luật Nhân quyền quốc tế, quyền tiếp cận nhà ở đầy đủ thường được hiểu khác nhau ở các quốc gia khác nhau, tuy nhiên với phán quyết của Tòa án nhân quyền châu Phi trong vụ án Grootboom và những người khác do bà Gootboom với tư cách cá nhân và thay mặt cho 510 trẻ em và 390 người lớn cho rằng mình đã “vô gia cư vì bị thu hồi nhà ở tạm” là vi phạm quyền tiếp cận nhà ở theo quy định của Hiến pháp Nam Phi. Trong phán quyết này, Tòa án nhân quyền châu Phi đã giải thích quyền được có nhà ở phải đáp ứng các nội dung, gồm: Cần phải có đất đai; cần phải có dịch vụ; cần phải có nơi ở và quyền được tiếp cận đất đai vì mục đích nhà ở⁷. Cách giải thích này hiện nay đã được thừa nhận phổ biến và trở thành nội hàm của quyền được có nhà ở được áp dụng rộng rãi trên thế giới khi bảo vệ quyền này.

Thứ ba, án lệ bảo vệ quyền con người bằng nguyên tắc “stare decisis” (to stand for things decided), nghĩa là bắt buộc tất cả các vụ việc có tình tiết hoặc vấn đề tương tự xảy ra sau phán quyết phải được giải quyết trên cơ sở phán quyết đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, để đưa ra phán quyết cho một vụ án, thẩm phán phải thực hiện hai nhiệm vụ cơ bản đó là xem xét tình tiết cụ thể đang xảy ra và luật sẽ áp dụng như thế nào đối với các tình tiết đó.

⁷ Văn phòng Cao ủy Liên Hợp Quốc và Hội Luật sư thế giới (2009), *Quyền con người trong quản lý tư pháp*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.897.

Ví dụ, trong vụ án Elizabeth Manley. Elizabeth Manley đã trình báo với cảnh sát rằng có một người đàn ông đã đánh cô và lấy toàn bộ tiền bạc. Tuy nhiên, khi cảnh sát tiến hành điều tra đã phát hiện vụ việc trên là không có thật. Tòa án đã kết tội Elizabeth Manley với tội danh “làm ảnh hưởng đến trật tự công cộng”. Tội danh này không có quy định trong luật. Do đó, tòa đã đưa ra hai lý do và sau đó hình thành nên án lệ. Thứ nhất, đặt người vô tội trước nguy cơ bị bắt; thứ hai, là tổn thời gian và công sức của cảnh sát cho quá trình điều tra một vụ việc không có thật. Chính vì án lệ này mà bà May Jones trong tình huống: Khi bà May Jones đi mua sắm ở cửa hàng thì phát hiện mình bị mất chiếc ví. Bà ta nhớ lại trước đây ít phút, có một người đàn ông đã đi lướt qua và chạm vào người bà. Bà lập tức báo cảnh sát và miêu tả nhận dạng người đàn ông ấy. Ngày sau đó, cửa hàng gọi điện thoại đến và báo rằng bà Jones đã quên ví tiền tại cửa hàng. Trong vụ này, bà Jones cũng bị kết tội như cô Manley vì đã làm cảnh sát điều tra một vụ việc không có thật và đặt người vô tội trước rủi ro bị truy tố.

Thứ tư, án lệ là cơ sở để các tòa án bảo vệ quyền con người trong trường hợp xét xử các vụ án chưa có tiền lệ, những vụ án chưa có đầy đủ cơ sở pháp lý để phán quyết.

Trong thời đại hiện hữu, hành vi của con người đa dạng, có nhiều hành vi và mối quan hệ xã hội mới mà tòa án chưa từng xét xử, pháp luật chưa thể dự liệu được đã tạo ra những thách thức không nhỏ cho tòa án khi thụ lý và giải quyết. Thông thường, những trường hợp khó khăn này xuất hiện trong các lĩnh vực của Luật Nhân quyền bị ảnh hưởng bởi những thay đổi và phát triển xã hội, đạo đức, công nghệ hoặc khoa học nhanh chóng.

Để bảo đảm phán quyết được đưa ra thuyết phục được công chúng, tòa án một số quốc gia đã tiến hành đối thoại tư pháp trên cơ sở tham khảo và tham gia vào các lập luận của các phán quyết của nhau. Một tòa án cần đưa ra lý do chính đáng cho quyết định của mình để được hợp pháp. Đó là lý do các tòa án xem xét án lệ của tòa án khác đã làm trong các trường hợp tương tự. Việc tham khảo án lệ của tòa án khác cho thấy rằng, các thẩm phán đưa ra quyết định này, sau khi xem xét cẩn thận các lập luận có liên quan, trong đó tất cả các nguồn giác ngộ tiềm năng đã được tính đến. Điều này sẽ trấn an cả hai cá nhân bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các quyết định và xã hội nói chung.

Đối thoại tư pháp có thể là ngang, giữa các tòa án của các nước khác nhau - ví dụ Tòa án tối cao Na Uy và Tòa án Hiến pháp Đức; hoặc dọc, giữa các tòa án quốc gia và tòa án quốc tế - ví dụ giữa Tòa án tối cao Na Uy và Tòa án nhân quyền châu Âu⁸.

3. Kết luận

Án lệ có vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ quyền con người, án lệ có những ưu điểm không những lấp những khoảng trống của luật thành văn trong việc bảo vệ quyền con người mà còn bổ trợ cho luật thành văn bảo vệ quyền con người tốt hơn. Chính vì thế, án lệ được coi là nguồn cơ bản của pháp luật bảo vệ quyền con người ở phạm vi quốc gia cũng

⁸ Amrei Müller, *How courts protect human rights by comparing cases*, <http://scienordic.com/how-courts-protect-human-rights-comparing-cases-0>

như quốc tế. Việt Nam không thể bỏ qua được án lệ trong tiến trình nâng cao năng lực bảo vệ quyền con người của Nhà nước. Tuy nhiên, án lệ bảo vệ quyền con người bằng cách thức khác biệt so với luật thành văn, đó là bảo vệ bằng giải thích luật, bảo vệ bằng phán quyết vi hiến và bằng nguyên tắc stare decisis, trong khi Hiến pháp Việt Nam hầu như chưa trao các thẩm quyền này cho Tòa án. Điều này đặt ra yêu cầu Hiến pháp cần phải trao các quyền trên cho Tòa án để án lệ thể hiện được vai trò bảo vệ quyền con người của nó trong thực tế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Amrei Müller, How courts protect human rights by comparing cases, <http://sciencenordic.com/how-courts-protect-human-rights-comparing-cases-0>.
2. Brice Dickson, Protecting Human Rights Through a Constitutional Court: The Case of South Africa, *Fordham Law Review*, Volume 66 | Issue 2, Article 8, 1997.
3. Equality and human rights commission, *The case for human rights Acts*, p.20-21, <https://www.legislationline.org/documents/id/19458>
4. Trương Duy Kiên (2006), *Quốc hội Việt Nam với việc bảo đảm quyền con người*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr.41-43.
5. Philippa Strum, *Vai trò của tư pháp độc lập* (trích trong sách *Về pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến* của Khoa Luật, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB Lao động xã hội, Hà Nội, 2012).
6. Văn phòng Cao ủy Liên Hợp Quốc và Hội Luật sư thế giới (2009), *Quyền con người trong quản lý tư pháp*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.